

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI (RUDEP) - GIAI ĐOẠN 2

Báo cáo đánh giá: Vấn đề giải ngân vốn vay thấp
tại các quỹ TK&TD địa phương năm 2004



VIỆT NAM - ỒXTRÂYLIA

Tài liệu trình

AusAID

Đại sứ quán Úc
Số 8 Đào Tấn
Quận Ba Đình,
Hà Nội, VIỆT NAM

30 tháng 12 năm 2004

42443858

Bên soạn thảo

URS Sustainable Development
in association with Kellogg Brown & Root and
World Wide Project Management Services
Project Managers and Consultants
Adelaide Australia

CƠ QUAN TÀI TRỢ

AusAID

Đại sứ quán Ô-x-trây-li-a

Số 8 Đào Tân, Quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Ph: +84 4 8317754/Ext 175 (Cán bộ dự án), Fax: +84 4 8317711

CƠ QUAN ĐỐI TÁC CHÍNH

Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Quảng Ngãi

96 Đường Nguyễn Nghiêm, Thị xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 825701

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Lô 4 Đường Phạm Văn Đồng, Thị Xã Quảng Ngãi

Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Ph: +84 55 816265-6, Fax: +84 55 816260

NHÀ THẦU QUẢN LÝ ÔX-TRÂY-LIA

URS Sustainable Development

25 North Terrace

Hackney SA 5069

Ph: +61 8 8366 1000, Fax: +61 8 8366 1001

Giám đốc dự án:
Dee Hartvigsen
Giám đốc phụ trách các Dự án
quốc tế

URS Australia Pty Ltd
25 North Terrace, Hackney
South Australia 5069 Australia
Tel: 61 8 8366 1000
Fax: 61 8 8366 1001

Giám đốc
Chương trình:
Ted A' Bear
Phó Chủ tịch

Phát triển bền vững

Ngày: 30 tháng 12 năm 2004
Dẫn chiếu: 42443858
Văn bản: Final

MỤC LỤC

TỪ VIẾT TẮT	iii
1 Giới Thiệu về RUDEP	1
2 Tổng Quan về Quỹ Tiết Kiệm và Tín Dụng địa phương (QTKTD)	2
2.1 Xác Định Nhu Cầu Tài Chính.....	2
2.2 Mục Đích Của QTKTD	2
2.3 Thông tin cơ bản về QTKTD.....	2
3 Phương pháp đánh giá	5
3.1 Tính hợp lý của công tác đánh giá.....	5
3.2 Làm thế nào để lựa chọn QTKTD cho đánh giá	5
3.3 Công Cụ Chính Được Sử Dụng Để Thu Thập Thông Tin.....	7
3.2.1 Phương Pháp Thảo Luận Nhóm Tập Trung	7
3.2.1.1 Lý thuyết về thảo luận nhóm tập trung.....	7
3.2.1.2 Áp Dụng Thảo Luận Nhóm Tập Trung Vào Đánh Giá.....	7
3.4 Thời Gian Thực Hiện Đánh Giá *	7
3.5 Đối Tượng Đánh Giá	8
4 Phát hiện chính	9
4.1 Những Nguyên Nhân Không Vay Vốn Từ QTKTD	10
4.1.1 Không Có Nguồn Thu Thay Thế Để Trả Nợ Vay	10
4.1.2 Thời Hạn Vay, Thời Hạn Trả Và Lãi Suất	10
4.1.3 Rủi Ro	11
4.1.4 Những nguyên nhân khác.....	11
4.1.4.1 Điều Kiện Thời Tiết.....	11
4.1.4.2 Thiếu Kỹ Thuật Và Thông Tin.....	11
4.1.4.3 Không Biết Chữ	12
4.1.4.4 Số Thành Viên Ít, Tiết Kiệm Và Nguồn Vay Khác.	12
5 Bài học kinh nghiệm.	13
5.1 Sự Không Nhất Quán Trong Thời Hạn Vay Trả Của QTKTD Và Nhu Cầu Của Người Dân.....	13
5.2 Nhu cầu đào tạo	13
5.3 Nhu cầu ưu tiên cho hoạt động phụ.....	13

BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Số lượng QTKTD

Biểu đồ 2: QTKTD RUDEP theo phần trăm giải ngân và tổng số vốn giống vào tháng 09/ 2004

BẢNG BIỂU

Bảng 1: Tóm tắt kết quả đánh giá của các QTKTD 9

Bảng 2: Tóm lược xếp hạng và biểu quyết cho từng nguyên nhân 9

TỪ VIẾT TẮT

KSTNN	Khu Sinh thái nông nghiệp
NHD	Nhóm Hoạt động
AMEGO	Trợ lý GS&ĐG
HSHĐ	Hồ sơ Hoạt động
NTXX	Nhóm Tiếp xúc xã
NVPTH	Nhân viên Phát triển huyện
GPT	Giới và Phát triển
HGD	Hộ gia đình
RUDEP	Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi
QTKTD	Quỹ Tiết kiệm và tín dụng
NH NN-PTNT	Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn

1 Giới Thiệu về RUDEP

Chương trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi (RUDEP) đang được thực thi tại tỉnh Quảng Ngãi (QN) - một tỉnh thuộc miền trung Việt nam với mục tiêu là góp phần phát triển nông thôn, quản lý nhà nước và giảm nghèo tại các xã được chọn trong tỉnh QN. Hiện nay có 6 xã thuộc 6 huyện: xã Sơn Hải, huyện Sơn Hà, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, xã Đức Phong, huyện Mộ Đức; xã Nghĩa Thọ, huyện Tư Nghĩa, xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, xã Phổ Châu, huyện Đức Phổ. Mục đích của Chương trình là trao quyền cho hộ nghèo tại các xã đã được chọn trong tỉnh QN để cải thiện đời sống bền vững thông qua tăng thu nhập trong khuôn khổ rủi ro của hộ nghèo. Đối tượng hưởng lợi chính của RUDEP sẽ là những hộ nghèo và những nhóm hộ nghèo tại các xã được lựa chọn. Chương trình dựa trên 3 yếu tố chính: Sự Tham gia, Nâng cao năng lực tập trung và QTKTD.

RUDEP được phân làm 3 giai đoạn:

Giai đoạn 1: Thiết kế Chương trình và nâng cao năng lực ban đầu (1 năm, đã hoàn thành tháng 10-2002)

Giai đoạn 2: Thực thi Chương trình trong các xã mục tiêu (5 năm, bắt đầu vào tháng 10 - 2002) và

Giai đoạn 3: Mở rộng các hoạt động thành công (4 năm)

2 Tổng Quan về Quỹ Tiết Kiệm và Tín Dụng địa phương (QTKTD)

2.1 Xác Định Nhu Cầu Tài Chính

Cuộc họp thống nhất-phân tích-giải quyết vấn đề (TN/PT/GQ) là những phần của Quy trình lập kế hoạch có sự tham gia mở rộng được RUDEP sử dụng để cho hộ gia đình trong các xã của chương trình xác định, ưu tiên và đề xuất những giải pháp để giải quyết những vấn đề khó khăn ưu tiên của cộng đồng và của hộ. Những cuộc họp TN/PT/GQ vấn đề cung cấp một cơ sở cho việc triển khai các hoạt động được thiết kế dựa trên nhu cầu và nguyện vọng của hộ đã được thể hiện trong các cuộc họp TN/PT/GQ vấn đề.

Thông qua các cuộc họp TN/PT/GQ vấn đề (giờ được gọi là Họp Lập kế hoạch) được tổ chức hằng năm tại tất cả các xã của RUDEP cho thấy có một nhu cầu cao về vốn cho các hoạt động. Hơn nữa, điều tra nghiên cứu chuyên đề của Chương trình về Phát triển xã hội và giới (2001) cũng chỉ ra rằng thiếu vốn là một trong những nguyên nhân gây đói nghèo ở Quảng Ngãi. Hầu hết các hộ nghèo đều cần vốn. Tuy nhiên, không phải tất cả mọi người đặc biệt là người nghèo có khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính chính thức như NH NN-PTNT, Ngân hàng cho Người nghèo, v..v. Vì vậy, rất nhiều người trong số họ đã vay tiền từ những người cho vay tư nhân với lãi suất rất cao. Trong rất nhiều trường hợp, lãi có được từ những hoạt động sản xuất chỉ đủ để trả lãi suất

RUDEP thành lập Quỹ Tiết kiệm và Tín dụng địa phương (QTKTD) để nhằm đáp ứng nhu cầu tài chính của hộ nghèo tại các xã đã được lựa chọn

2.2 Mục Đích Của QTKTD

- § Giúp hộ nghèo cải thiện thu nhập thông qua tiết kiệm hoặc vay vốn để đầu tư cho sản xuất hoặc kinh doanh quy mô nhỏ.
- § Hỗ trợ thành viên của Quỹ kỹ thuật sản xuất (các hoạt động này được họ yêu cầu)
- § Cải thiện điều kiện kinh tế của xã.
- § Góp phần vào mục tiêu của chương trình - xóa đói giảm nghèo

2.3 Thông tin cơ bản về QTKTD

QTKTD bắt đầu hoạt động vào tháng 5/2003 với 5 Quỹ thí điểm tại 2 xã. Quỹ Lâm Hạ 1 và Thạch Thang ở Đức Phong. Thọ Đông 1, Thọ Tây 1 và Thọ Trung 1 tại xã Tịnh Thọ. Sau này, có rất nhiều quỹ được thành lập ở xã này. Tính đến thời điểm này RUDEP có tổng cộng 44 quỹ đang hoạt động tại các xã.



Lễ ra mắt QTKTD mới

Danh sách 44 Quỹ TKTD

Xã thuộc RUDEP	Tên Quỹ
Tinh Tho	Tho Dong 1
	Tho Tay 1
	Tho Trung 1
	Tho Trung 2
	Tho Trung 3
	Tho Trung 4
	Tho Nam 1
	Tho Nam 2
	Tho Bac 1
	Tho Tay 2
Tong So Quy	10
Duc Phong	Lam Ha 1
	Thach Thang 1
	Lam Ha 2
	Lam thuong 1
	Lam thuong 2
	Chau Me 1
	Van Ha 1
	Lam thuong 3
	Van Ha 2
	Chau Me 2
Tong So Quy	10
Nghia Tho	Thon 1A
	Thon 2A
Tong So Quy	2

Xã thuộc RUDEP	Tên Quỹ
Son Hai	Lang Ren 1
	Ta Pia 1
	Ta Mat 1
	Ka Ranh 1
	Lang Trang 1
	Lang Ra 1
Tong So Quy	6
Hanh Phuoc	De An 1
	Thuan Hoa 1
	Hoa Son 1
	Vinh Tho 1
	Vinh Tho 2
	Hoa Tho 1
	Hoa Vinh 1
	An Chi Dong 1
	An Chi Tay 1
Tong So Quy	9
Pho Chau	Vinh Tuy 1
	Hung Long 1
	Tan Loc 1
	Hung Long 2
	Chau Me 1
	Vinh Tuy 2
	Tan Loc 2
Tong So Quy	7



Vốn vay từ Quỹ được sử dụng nuôi bò vỗ béo

3 Phương pháp đánh giá

3.1 Tính hợp lý của công tác đánh giá

Như đã đề cập trong Mục 2.2 - Mục đích của QTKTD, một trong những mục đích của quỹ là cung cấp vốn vay cho người dân. Thật ra, tỷ lệ vay trong một số quỹ là thấp

Đánh giá này nhằm tìm ra nguyên nhân tại sao tỷ lệ vay vốn lại thấp ở một số quỹ.

3.2 Làm thế nào để lựa chọn QTKTD cho đánh giá

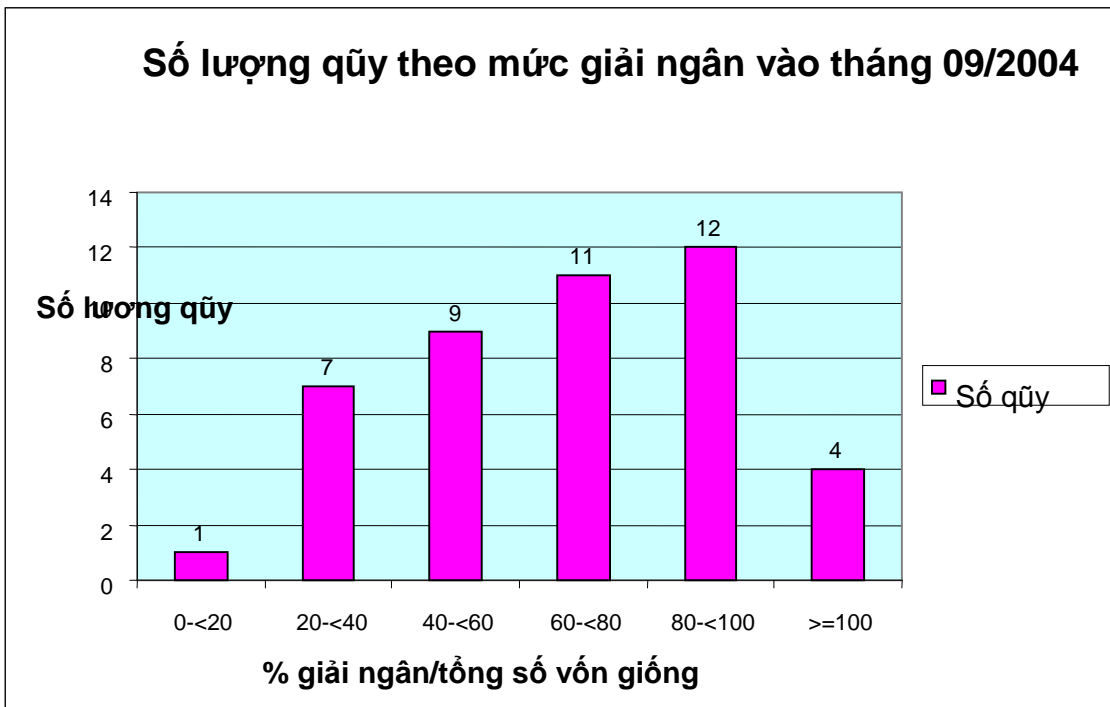
Chúng tôi đã sử dụng Phương pháp Chọn mẫu có mục đích để lựa chọn quỹ cho đánh giá. Tại mỗi xã, chúng tôi lựa chọn những quỹ có tỷ lệ giải ngân thấp nhất vào tháng 09/2004 ngoại trừ một số quỹ vừa mới được thành lập vào tháng 07/2004. Đã lựa chọn 7 quỹ thuộc 6 xã. Ở xã Sơn Hải là 2 quỹ.

Số liệu về phần trăm giải ngân và tổng số vốn giống RUDEP đã chuyển cho quỹ được hiển thị trong các biểu đồ.

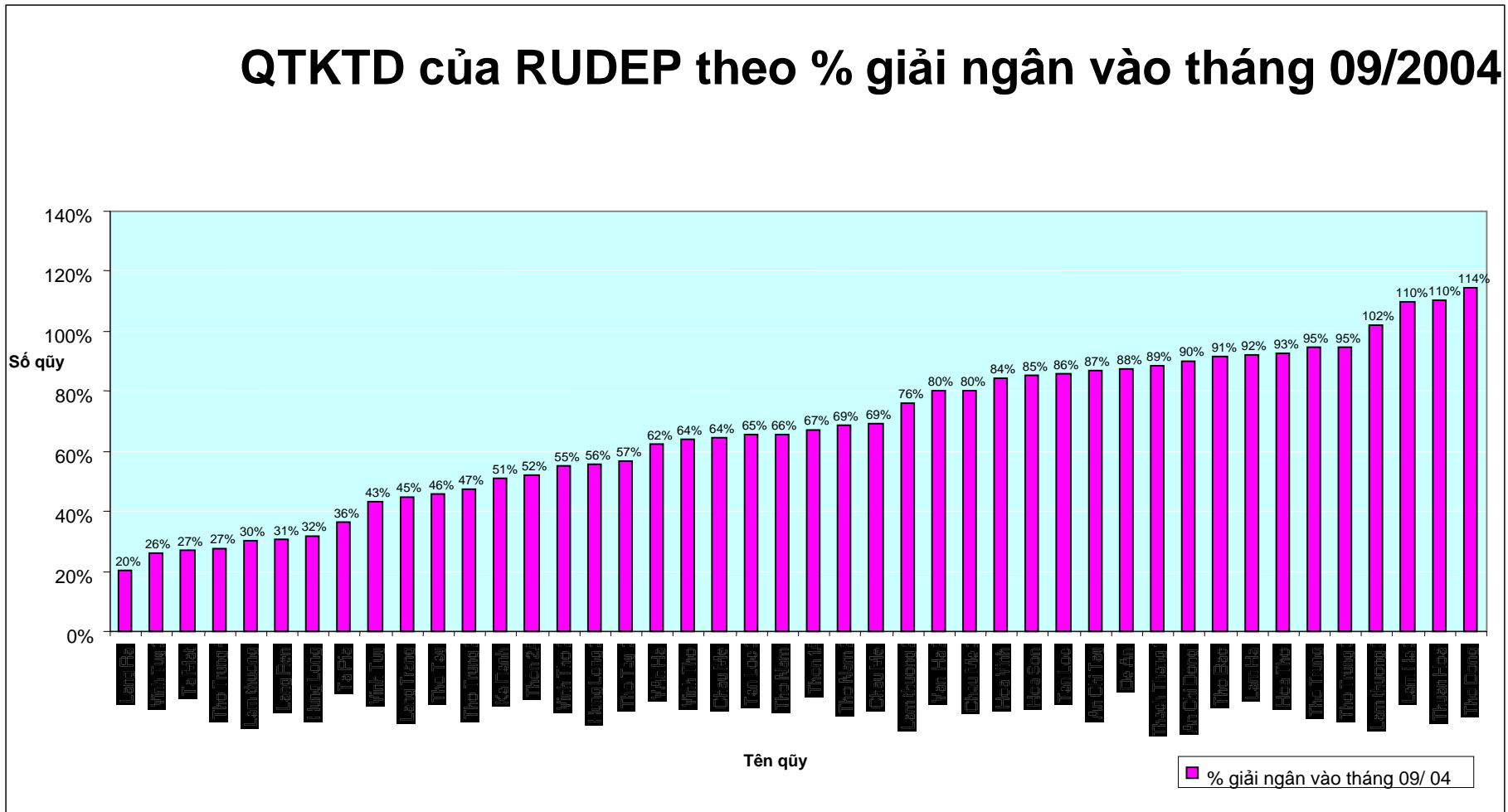
Biểu đồ đầu tiên cung cấp tổng quan về tình hình giải ngân ở tất cả các quỹ thuộc RUDEP. Trong biểu đồ này, trục X cho biết phần trăm mức độ giải ngân được sắp xếp theo 6 cột. Số lượng của một quỹ ở mỗi loại được hiển thị trong cột Y.

Biểu đồ 2 cung cấp thông tin chi tiết về phần trăm giải ngân trong mỗi quỹ. Trục X hiển thị tên của quỹ và trục Y hiển thị phần trăm giải ngân và tổng số vốn giống của mỗi quỹ.

Biểu đồ 1: Số lượng QTKTD theo mức của % giải ngân và tổng số vốn giống vào tháng 09/2004



Biểu đồ 2: QTKTD RUDEP theo phần trăm giải ngân và tổng số vốn giống vào tháng 09/ 2004



3.3 Công Cụ Chính Được Sử Dụng Để Thu Thập Thông Tin

Công cụ chính được sử dụng để thu thập thông tin là Thảo Luận nhóm tập trung

3.2.1 Phương Pháp Thảo Luận Nhóm Tập Trung

3.2.1.1 Lý thuyết về thảo luận nhóm tập trung

Khái niệm:

Quy trình thảo luận nhóm cấu trúc được sử dụng để thu thập thông tin chi tiết về một chủ đề cụ thể. Phương pháp này cho phép người trả lời bày tỏ quan điểm và cảm xúc của họ và cung cấp cho nhà nghiên cứu những vấn đề chính xác mà có thể chưa được biết đến.

Số lượng người cho một nhóm:

Về mặt lý thuyết, một nhóm nên gồm có từ 6-9 thành viên đồng nhất với nhau

Thời gian thảo luận:

Về lý thuyết, thời gian thảo luận nên kéo dài 1-2 tiếng. Tối đa là 2 tiếng

3.2.1.2 Áp Dụng Thảo Luận Nhóm Tập Trung Vào Đánh Giá

Nội dung chủ yếu của câu hỏi được người hướng dẫn nêu lên để thảo luận là tại sao những thành viên trong quỹ lại không vay tiền.

Thảo luận nhóm tập trung

Một loạt các câu trả lời có thể (nguyên nhân của việc không vay tiền từ quỹ) được chuẩn bị trước. Những nguyên nhân này được viết trên thẻ màu. Mỗi nguyên nhân trên một thẻ. Những thẻ này được chuẩn bị sao cho người dân có thể nhìn thấy rõ nội dung và tránh lặp lại vấn đề nhiều lần

Người hướng dẫn yêu cầu nhóm cử ra một " người hướng dẫn cho nhóm". Người này có trách nhiệm hướng dẫn thảo luận nhóm dựa trên câu hỏi và trình bày kết quả thảo luận nhóm.

Sau khi người trả lời đưa ra nguyên nhân của việc không vay tiền từ quỹ, hướng dẫn viên khẳng định với nhóm một lần nữa để đảm bảo những thông tin được nêu đã diễn đạt đầy đủ ý kiến của các thành viên. Sau đó những thẻ này được dán lên tường hoặc bảng. Quy trình này được lặp lại cho đến khi nhóm kết thúc việc thảo luận về nguyên nhân cuối cùng của vấn đề.

Tất cả các thành viên kiểm tra nguyên nhân và xếp hạng theo mức quan trọng của từng nguyên nhân.

3.4 Thời Gian Thực Hiện Đánh Giá *

Thời gian thực hiện đánh giá được mô tả trong bảng dưới đây:

Xã	Ngày đánh giá
Phổ Châu	20/11/2004
Hành Phước	22/11/2004
Tịnh Thọ	
Nghĩa Thọ	23/11/2004
Sơn Hải (2 QTKTD)	
Đức Phong	26/11/2004

Tại mỗi điểm, thành viên trong NHĐ được chọn được mới đến nơi tổ chức cuộc họp hoặc buổi họp được kết hợp vào cuộc họp quỹ hàng tháng để thực hiện đánh giá nhằm tiết kiệm thời gian cho người dân.

Cuộc họp được thực hiện cùng với sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Người hướng dẫn nêu câu hỏi và cho phép thời gian để nhóm thảo luận.

3.5 Đối Tượng Đánh Giá

Thảo Luận Nhóm Tập Trung

Đối tượng tham gia chính vào đánh giá bao gồm cán bộ Hỗ trợ GS&ĐG và các thành viên của quỹ. Cán bộ Hỗ trợ GS&ĐG làm việc với tư cách là hướng dẫn viên và các thành viên là những người trả lời trong thảo luận nhóm

4 Phát hiện chính

Kết quả đánh giá được tóm tắt trong bảng 1

Bảng 1: Tóm tắt kết quả đánh giá của các QTKTD

Nguyên Nhân	Phổ Châu	Nghĩa Hành	Nghĩa Thọ	Đức Phong	Tịnh Thọ	Sơn Hải
Thời tiết					2	
Kỹ thuật					1	
Lãi suất	1	3	3	3		1
Thời hạn vay	2	1	1	4		
Số lượng vay				2		
Thời hạn trả		2	1	1	4	
Quy trình vay vốn			2			
Rủi ro	2	5	3	5	3	2
Nguồn thu nhập thay thế để hoàn trả	1	1	1	1	3	
Nguồn khác để vay (NH NN-PTNT, NHCS, v.v.)		4				
Không biết chữ			2			
Số thành viên ít		2				
Không có hoạt động tạo thu nhập			1		1	

Trong Bảng 1, con số trong mỗi cột biểu thị nguyên nhân và xếp hạng tầm quan trọng của từng nguyên nhân hoặc mức độ ảnh hưởng đến số lượng vay của quỹ. Mức độ quan trọng được sắp xếp tăng dần từ quan trọng nhất đến mức thấp nhất. Số 1 biểu thị cho tác động quan trọng nhất.

Bảng 2: Tóm lược xếp hạng và biểu quyết cho từng nguyên nhân

Xếp hạng	Xếp số 1	Xếp số 2	Xếp số 3	Xếp số 4	Xếp số 5	Tổng số lựa chọn cho mỗi nguyên nhân
Nguyên nhân	Số lựa chọn cho mỗi nguyên nhân					
Thời tiết		1				1
Kỹ thuật	1					1
Lãi suất	2		3			5
thời hạn vay	2	1		1		4
Số lượng vay		1				1
Thời hạn trả	2	2		1		5
Quy trình xin vay vốn		1				1
Rủi ro		2	2		2	6
Nguồn thu nhập thay thế để trả nợ vay	4		1			5
Nguồn vay khác (NH NN-PTNT, NH CS, v..v)				1		1
Không Biết chữ		1				1
Số thành viên ít		1				1
Không có hoạt động tạo thu nhập	2					2

Bảng 2 biểu thị việc tổng số biểu quyết cho từng nguyên nhân đã được xếp hạng.

4.1 Những Nguyên Nhân Không Vay Vốn Từ QTKTD

4.1.1 Không Có Nguồn Thu Thay Thế Để Trả Nợ Vay

Nguồn thu nhập thay thế cho việc trả nợ vay được phần lớn các quỹ lựa chọn và được xem là nguyên nhân quan trọng nhất của việc không vay vốn từ tất cả các quỹ.

Thông qua việc thảo luận với người dân cho thấy rằng hộ gia đình tham gia vào quỹ chủ yếu trồng lúa/mỳ và nuôi heo hoặc bò. Công việc này mất một thời gian dài (hơn 3 tháng) mới có thể thu hồi vốn vì họ làm theo tập quán truyền thống. Bên cạnh đó, họ cũng không có nhiều hoặc rất ít hoạt động phụ để tạo thu nhập nhưng số lượng thu nhập không đáng kể để đủ trả nợ vay theo quý cho quỹ.

4.1.2 Thời Hạn Vay, Thời Hạn Trả Và Lãi Suất

Như đã được đề cập trong mục 4.1.1, người dân không có nhiều thu nhập phụ thêm để trả nợ vay theo quý. Họ cho rằng trả nợ vay theo quý là đặt thêm gánh nặng cho họ bởi vì trong ba tháng họ không thể kiếm đủ tiền để trả nợ vay. Vì vậy đối với họ, thời hạn 3 tháng là quá ngắn và thời hạn 6 tháng cũng khá ngắn và tỷ lệ lãi suất 1%/tháng cũng rất cao.

Người dân muốn vay tiền để nuôi heo hay bò. Nhưng họ lại làm theo tập quán truyền thống. Vì vậy, những cách làm này thực sự rất mất thời gian. Họ muốn vay vốn dài hạn từ 2 đến 3 năm. Điều này có nghĩa là 2 đến 3 năm là một chu kỳ sản xuất. Chu kỳ sản xuất bắt đầu từ khi người dân mua bò đến khi bán bò. Họ muốn trả tiền cho quỹ sau khi đã bán sản phẩm và thu hồi vốn.

Về phía RUDEP, thì điều này là không thể được vì tiền trong quỹ là dành cho hộ nghèo và thời hạn vay không được quá lâu. Nếu 50% số thành viên vay tiền trong một quỹ, thì cùng lúc đó có 50% những thành viên khác phải đợi để được vay tiền. Việc đợi một thời gian dài để được vay tiền là một điều không có lợi cho công tác xóa đói giảm nghèo. Hơn thế nữa, việc trả theo quý là cách nhắc nhở người vay về trách nhiệm trả nợ của họ. Nếu không, họ sẽ dễ quên hoặc chưa chuẩn bị để trả tiền vay. Người dân đã được nghe giải thích về tất cả những lý do này trong suốt quá trình đánh giá.

Lãi suất là một trong những vấn đề quan tâm của người dân trong quỹ. Mặc dù họ biết lý do tại sao lãi suất của quỹ thuộc RUDEP lại là 1% nhưng phần lớn người dân vẫn nghĩ rằng lãi suất là quá cao so với lãi suất của HPN hoặc các tổ chức khác. Nguyên nhân chủ yếu của suy nghĩ này là người dân không có nhiều thu nhập phụ để trả nợ vay,

- Đặc biệt là người dân tộc H're ở Sơn Hải, lãi suất này là cản trở lớn nhất để người dân đến với QTKTD.
- Ở Sơn Hải, thành viên của quỹ mượn tiền để trồng mỳ. Họ kiếm sống chủ yếu từ mỳ. Thời gian trồng mỳ là một năm. Người dân có thể trả nợ chỉ khi họ thu hoạch mỳ - một năm sau khi vay tiền của quỹ. Trong suốt thời gian cây mỳ sinh trưởng, họ không có bất kỳ nguồn thu nào khác để trả tiền lãi hàng tháng. Nếu có thì cũng chỉ đủ để mua thức ăn hàng ngày. Vì vậy, họ không muốn vay tiền từ quỹ. Chỉ những hộ có đủ tiền trả lãi hàng tháng là vay tiền của quỹ. Những hộ khác vay tiền từ người Kinh và bán mỳ cho họ khi đến vụ thu hoạch. Người Kinh không yêu cầu tiền lãi hàng tháng, nhưng họ trừ tiền vay

dựa trên tổng giá trị của mỳ. Trong một số trường hợp, thành viên của quỹ phải vay tiền của người Kinh để trả lãi suất cho quỹ.

4.1.3 Rủi Ro

Bảng 2 cho biết tất cả các quỹ đều có chung một nỗi lo sợ về rủi ro. Ảnh hưởng của rủi ro trong việc vay tiền của quỹ được xếp từ thứ 2 đến thứ 5. Bên cạnh cây trồng chính, người dân muốn vay tiền để chăn nuôi nhưng họ sợ bị rủi ro do dịch bệnh và giá cả thị trường không ổn định.

- Mật độ của thú y viên tại mỗi xã là rất thấp. Trung bình từ 1-3 người/xã. Khoảng cách là yếu tố cản trở để đến với thú y viên. Dịch vụ của thú y viên địa phương không thể đáp ứng với nhu cầu của người dân.
- Đối với một số bệnh đặc biệt, bản thân người dân không thể tự chữa trị được. Họ chỉ có thể xử lý một số bệnh thông thường. Còn lại là phụ thuộc vào thú y viên. Tập huấn cho NHTD chỉ chuyển giao cho người dân những thông tin về tiêm phòng và một số bệnh thông thường. Người dân muốn RUDEP giúp họ tập huấn phòng ngừa bệnh cho vật nuôi (chủ yếu là bò và heo)

4.1.4 Những nguyên nhân khác

Những nguyên nhân kể trên là rất phổ biến ở tất cả các xã. Bên cạnh đó, mỗi xã có một nguyên nhân khác nhau phụ thuộc vào điều kiện địa phương.

4.1.4.1 Điều Kiện Thời Tiết

Thôn Thọ Trung xã Tịnh Thọ nằm ở vùng đất thấp so với các khu vực khác trong thôn. Trong suốt 4 tháng âm lịch vừa qua (từ tháng 9 đến tháng 12) lượng mưa cao hơn những tháng khác trong năm.

- Đất ở đây sinh lầy và không thể trồng bất cứ loại cỏ hay rau màu nào. Vì vậy rất khó khăn cho người dân nuôi bò, heo bởi vì trong những tháng này thiếu cỏ hoặc rau màu. Nếu người dân làm theo kỹ thuật mới để vỗ béo vật nuôi thì chúng không thể tăng cân vì thiếu thức ăn.
- Thời tiết ẩm ướt tạo điều kiện cho dịch bệnh ở vật nuôi phát triển đặc biệt là ở gà. Do đó nuôi vật nuôi trong 3 tháng này rất dễ bị mất trắng

Với những lý do trên, trong 3 tháng này người dân không dám vay tiền để đầu tư sản xuất.

4.1.4.2 Thiếu Kỹ Thuật Và Thông Tin

Người dân nhận thức rằng những phương pháp mới sẽ giúp họ tiết kiệm thời gian và thu hồi vốn nhanh hơn theo tập quán cũ. Nhưng vẫn còn một số nhóm thiếu kỹ thuật nuôi bò để vỗ béo hay nuôi heo hướng nạc theo phương pháp mới. Do đó, họ không dám vay tiền để đầu tư cho chăn nuôi.

- Ví dụ, Quỹ Thọ Trung IV từng được tách ra từ Quỹ Thọ Trung II do quỹ này quá đông. Việc trao đổi qua lại giữa 2 quỹ này không được tốt. Do đó, khi Thọ Trung II có lớp tập huấn nuôi bò thì những thành viên của Thọ Trung IV lại không hay biết đến. Họ mất cơ hội để tham gia tập huấn, dẫn đến việc thiếu kiến thức.
- Họ muốn được hỗ trợ tập huấn chăn nuôi bò và heo.

4.1.4.3 Không Biết Chữ

Để vay được tiền ở quỹ, thành viên phải hoàn thành những mẫu đơn như Phương án sản xuất kinh doanh, Đơn xin vay vốn kèm kế ước. Ở xã Nghĩa Thọ, đối với người dân tộc H're điều này thật sự khó khăn đối với họ vì phần lớn phụ nữ không biết chữ. Tự bản thân họ không thể hoàn thành những mẫu đơn này. Họ phải yêu cầu những người khác giúp đỡ. Trong những trường hợp như vậy, người giúp không nhiệt tình hoặc đang bận, do đó mẫu đơn bị bỏ dở. Chính vì thế, thành viên muốn vay cũng chán nản, không sẵn sàng hoặc lười vay.

4.1.4.4 Số Thành Viên Ít, Tiết Kiệm Và Nguồn Vay Khác.

Trong một số quỹ, số lượng thành viên giảm nhưng tổng số vốn giống được cấp không thay đổi. Tổng số vay của những quỹ này sẽ thấp hơn những quỹ khác có số thành viên không giảm.

Ở một số quỹ, người dân không có đủ để đóng tiền tiết kiệm bắt buộc để được vay. Vì vậy, không được phép vay tiền của quỹ. Con số này không cao.

Những nguồn vay khác cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho tỷ lệ vay trong quỹ thấp. Người dân thích đến những tổ chức khác hơn là đến quỹ vì lãi suất của những nơi này thường thấp hơn 1%. Những nguồn vay khác cũng sẵn có ở địa phương như HPN, Hội Nông dân. Tuy nhiên, số người có thể đến được với những nguồn vay này là hạn chế vì không mở rộng cho tất cả mọi người.

5 Bài học kinh nghiệm.

5.1 Sự Không Nhất Quán Trong Thời Hạn Vay Trả Của QTKTD Và Nhu Cầu Của Người Dân

Thời hạn vay và trả trong quỹ được dành cho các hoạt động ngắn hạn. Nhưng người dân đều đang sản xuất theo tập quán truyền thống. Họ muốn thời hạn dài hơn để cho phép họ trả vào cuối chu kỳ sản xuất nếu không thành viên của quỹ không có khả năng trả nợ vay.

5.2 Nhu cầu đào tạo

Ở một số nơi, người dân có cơ hội học kỹ thuật mới do RUDEP hỗ trợ. Ở một số nơi khác, vì nhiều lý do khác nhau, ví dụ, vì thiếu thông tin về những khoá tập huấn đang có, người dân đã không tham gia được. Vì vậy, họ vẫn làm theo tập quán truyền thống. Ở những nơi này, người dân thực sự mong muốn được RUDEP hỗ trợ chuyển giao kỹ thuật.

Người liên lạc tổ chức ngày tập huấn cần đảm bảo rằng tất cả mọi người liên quan đến khóa tập huấn nắm rõ thông tin liên quan đến ngày tập huấn, thời gian, địa điểm.

5.3 Nhu cầu ưu tiên cho hoạt động phụ

Hoạt động chính cho tạo thu nhập ở tất cả các xã là trồng lúa, chăn nuôi gia súc. Trong chăn nuôi gia súc, nếu người dân áp dụng kỹ thuật mới, chu kỳ chăn nuôi sẽ giảm. Nhưng thật ra họ đang làm theo tập quán truyền thống. Điều đó có nghĩa rằng họ chỉ trả nợ vay vào cuối chu kỳ. Trong khi đó, nếu họ có những hoạt động phụ để tạo thu nhập, họ có thể trả nợ cho quỹ đúng hạn. Hoạt động phụ giúp đa dạng thu nhập và hỗ trợ việc trả nợ vay.

Nếu có thể, người dân nên được lưu ý để nghĩ về những hoạt động phụ thích hợp nhất mà họ mong muốn. Và RUDEP có thể hỗ trợ họ về mặt kỹ thuật.